

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28/11/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Tống Văn Tuyên

2/ Ông Lê Văn Ký

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1979

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá

Tại phiên toà vắng mặt chị H và anh T.(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/03/2004. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc

bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên rượu chè, chửi bới và đánh đập chị. Ngoài ra anh T không chịu đi làm để kiếm tiền nuôi bản thân và gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay và không còn quan hệ gì về tình cảm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu: Nguyễn Thị Bích N - Sinh ngày 28/5/2004 và Nguyễn Văn B - Sinh ngày 17/5/2006. Hiện nay các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2018 anh Nguyễn Văn T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện và được Ủy Ban nhân dân xã H, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nay chị H có đơn xin ly hôn nguyện vọng của anh xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu: Nguyễn Thị Bích N - Sinh ngày 28/5/2004 và Nguyễn Văn B - Sinh ngày 17/5/2006. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định pháp luật. Anh không có công việc làm ổn định nên không có thu nhập ổn định.

- *Về tài sản*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T; về con giao cháu N và cháu B cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; chị H phải chịu tiền án phí DSST.

Tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn

lần thứ nhất. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì mâu thuẫn phát sinh do anh T thường xuyên rượu chè, chửi bới và đánh đập chị. Ngoài ra anh T không chịu đi làm để kiếm tiền nuôi bản thân và gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay và không còn quan hệ gì về tình cảm. Đối với anh T mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và khi đưa ra xét xử vụ án anh T đều không có mặt, đây thể hiện việc anh không quan tâm đến tình cảm vợ chồng và việc giải quyết vụ án. Ngoài ra theo Công an xã H, anh T còn thường xuyên uống rượu say sưa, hay đánh đập vợ con và vợ chồng hay cãi vã nhau.

Xét thấy, chị H thực sự không còn tình cảm với anh T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ. Đến nay chị H vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân nhau và không còn quan hệ gì về tình cảm.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị H đã thực sự không còn tình cảm với anh T. Do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị và căn cứ Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu:

Nguyễn Thị Bích N - Sinh ngày: 28/5/2004

Nguyễn Văn B - Sinh ngày 17/5/2006

Nguyên vọng của chị H là xin được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Nguyên vọng của anh T: Nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh thì đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo pháp luật.

Xét thấy nguyên vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng theo đơn trình bày nguyên vọng và bản tự khai của cháu N và cháu B thì mong muốn của 02 cháu là nếu bố mẹ ly hôn các

cháu đều muốn được ở với mẹ. Hơn nữa hiện nay chị H đang làm công nhân tại công ty TNHH giày Venus, có mức thu nhập ổn định. Đối với anh Nguyễn Văn T tại biên bản lấy lời khai và biên bản xác minh thì anh T và đại diện chính quyền xã H đều cho biết anh T hiện không có công ăn việc làm ổn định nên không có thu nhập ổn định, anh T còn thường xuyên uống rượu say sỉn và hay đánh đập vợ con. Ngoài ra từ khi vợ chồng sống ly thân anh T không nuôi dưỡng chăm sóc 02 con mà chỉ một mình chị H là người chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy không cần làm sáo trộn việc nuôi dưỡng, nên cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu N và cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị và không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị, chị hiện nay có thu nhập ổn định đủ cho việc nuôi con, anh T thu nhập không ổn định. Nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị H phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị PhạmThị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu:

- Nguyễn Thị Bích N - Sinh ngày 28 tháng 5 năm 2004;
- Nguyễn Văn B - Sinh ngày 17 tháng 5 năm 2006.

2.1. Giao cả 02 con chung Nguyễn Thị Bích N và Nguyễn Văn B cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

2.3. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0000348 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Châu (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

